

1.

<i>“Mặt trăng thuộc về tất cả mọi người Những gì tốt nhất đều không mất tiền Những ngôi sao cũng là của tất cả mọi người Tỏa sáng cho anh và cho em Hoa nở vào mùa xuân Chim hát trong vườn Nắng vàng tỏa rực rỡ Tất cả là của anh và của em Tình yêu có thể đến với tất cả mọi người Những gì tốt nhất trên đời Đều không mất tiền...”</i>	<i>“The moon belongs to everyone The best things in life they’re free Stars belong to everyone They cling there for you and for me Flowers in spring The robins that sings The sunbeams that shine They’re yours and they’re mine Love can come to everyone Best things in life They’re free...”  (“The best things in life are free”)</i>
---	--

Bà ngoại thường nói rất nhiều điều tuyệt vời nhất trên đời đều không mất tiền. Có những thứ do thiên nhiên ban tặng, như là sông và núi, như là thác ghềnh, biển, hồ, và đại dương. Chính phủ cũng cung cấp nhiều hàng hóa và dịch vụ miễn phí: sân chơi, công viên, quốc phòng, pháo hoa đêm giao thừa. Trong tất cả những trường hợp này, chúng ta đều không phải trả tiền để được hưởng những hàng hóa và dịch vụ đó. Rõ ràng là rất nhiều thứ tuyệt vời nhất trên đời đều miễn phí.

Vợ chúng ta lại nói khác. Buổi trước khi bàn về giá sữa, nhiều bà mẹ trong lớp đều cho rằng khi không có thông tin gì hơn, chúng ta sẽ mua loại sữa đắt nhất cho con mình. Vợ cũng dặn ta chạy ra Trần Hưng Đạo mua chiếc máy đo huyết áp đắt tiền nhất, để sử dụng nhất cho bố vợ. Khi không có thông tin gì hơn, chúng ta thường muốn tin rằng, hàng càng đắt chất lượng càng tốt. Tất cả thông tin mà chúng ta cần và chúng ta có đều nằm trong mức giá.

Bản thân chúng ta nghĩ sao? Chúng ta sẽ nghĩ thầm rằng cả bà ngoại và vợ đều không hiểu biết hết về kinh tế học. Chúng ta tin rằng, trong một thị trường hoàn hảo, với những người mua bán tinh táo và biết tính toán, mức giá mà chúng ta phải trả khi mua và nhận được khi bán là hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà do một bàn tay vô hình sắp đặt. Chẳng có lý do gì mà người ta vẫn mua hoa và ngày lễ tình nhân khi mà hoa hồng đã lên tới 20 ngàn một bông. Mức giá đấy vừa đủ để những anh chàng si tình nhất tiếp tục cắn răng mua, để lại rất nhiều anh chàng khác về nhà viết thơ chay tặng vợ. Trong số những anh chàng si tình, có anh lòng tràn ngập sung sướng vô bờ bến. Người ta nói rằng *thặng dư tiêu dùng* của anh ấy là rất cao, vì mức sẵn sàng chi trả của anh ta có khi lớn hơn nhiều so với cành hoa 20 ngàn đó. Ngược lại với *thặng dư tiêu dùng* là *thặng dư sản xuất*: khi một bác trồng hoa chỉ phải trả chi phí là 5 ngàn

đồng cho một bông hoa hồng có giá 20 ngàn, rõ ràng bác ấy có thặng dư sản xuất lớn hơn so với một bác trồng hoa khác tốn mất 10 ngàn để trồng bông hoa tương tự.

Phương pháp phân loại cơ sở lý luận chính sách công bắt đầu từ khái niệm mô hình thị trường cạnh tranh hoàn hảo. Đây là một trong những khái niệm căn bản trong kinh tế học hiện đại, trong đó có rất nhiều doanh nghiệp *tối đa hóa lợi nhuận* và rất nhiều người tiêu dùng *tối đa hóa độ thỏa dụng*. Nói một cách đơn giản, mọi người đều chọn cái tốt nhất cho mình. Cùng với một số giả định khác, những hành vi tối đa hóa lợi ích của mình này sẽ dẫn đến mức sản xuất và tiêu dùng hiệu quả. Khái niệm hiệu quả, hay nói chính xác hơn là *hiệu quả Pareto* (Pareto efficiency), được hiểu là kết quả đạt được khi không có cách nào để tăng lợi ích cho người này mà không làm thiệt hại đến lợi ích của người khác. Người ta tin rằng thị trường cạnh tranh được xem là chuẩn mực của hiệu quả.

Lý do chúng ta đưa ra khái niệm thặng dư tiêu dùng là để đánh giá mức độ mong đợi kết quả thị trường. Thặng dư tiêu dùng đo lường lợi ích mà người mua nhận được từ một hàng hóa theo nhận định của họ. Do đó, thặng dư tiêu dùng là thước đo phúc lợi kinh tế tốt nếu các nhà hoạch định chính sách tôn trọng sở thích của người mua.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp các nhà hoạch định chính sách sẽ chọn cách không quan tâm đến thặng dư tiêu dùng. Ví dụ, người nghiện ma túy sẽ sẵn sàng trả giá cao, nhưng không thể nói họ hưởng lợi lớn nếu mua được ma túy giá rẻ. Từ góc độ chính sách, mức sẵn lòng chi trả trong ví dụ này không phải là thước đo tốt của lợi ích người mua, và thặng dư tiêu dùng không phải là thước đo phúc lợi kinh tế tốt, vì người nghiện đã không nhắm đến lợi ích tốt nhất của mình. Tuy nhiên, ở đa số thị trường, các nhà kinh tế thường mặc định rằng tất cả người mua đã tính toán trước khi ra quyết định. Có tính toán nghĩa là người ta sẽ cố hết sức để đạt được mục tiêu của mình, nếu có cơ hội. Các nhà kinh tế cho rằng sở thích và lựa chọn của con người cần được tôn trọng.

Thặng dư xã hội là tổng thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất. Nếu sự phân phối nguồn lực có thể tối đa hóa tổng thặng dư này, ta nói rằng phân bổ đó là hiệu quả. Ở mức giá thị cân bằng trong một thị trường hoàn hảo, tổng thặng dư xã hội là lớn nhất. Tóm lại, các nhà kinh tế học tin rằng: 1) Thị trường cạnh tranh phân bổ cung hàng hóa cho những người mua có mức sẵn lòng chi trả cao nhất. 2) Thị trường cạnh tranh phân bổ cầu hàng hóa cho nhà sản xuất có chi phí sản xuất thấp nhất. 3) Ở mức cân bằng, lượng hàng hóa được trao đổi trong thị trường cạnh tranh tối đa hóa tổng thặng dư xã hội.

Có phải luôn như vậy?

2.

Người đầu tiên sử dụng cụm từ “thất bại thị trường” là giáo sư Francis Bator<sup>1</sup>, người đồng sáng lập nên trường quản lý nhà nước Harvard Kennedy. Năm 1957, khi vẫn còn là một giảng viên trẻ thuộc Học viện công nghệ Massachusetts MIT, ông xuất bản một bài nghiên cứu diễn đạt lại ý tưởng nặng tính kỹ thuật của Arrow và Debreu về bàn tay vô hình và lý thuyết cân bằng tổng quát của thị trường bằng một thứ ngôn ngữ vô cùng mạch lạc và dễ hiểu.

Chỉ một năm sau đó, giáo sư Bator xuất bản bài viết thứ hai, một lần nữa giải thích mạch lạc và rõ ràng những hoàn cảnh mà giả định trong mô hình của Arrow và Debreu không được thỏa mãn. Bator cho rằng thông tin thường là không hoàn hảo, rằng con người tràn đầy sự khiên cưỡng không muốn thay đổi hành vi, và có những kỳ vọng không nhất quán trong một cuộc sống đầy sự không chắc chắn. Khi đó, những cá nhân và doanh nghiệp buộc phải ra quyết định về tương lai dựa vào những dự đoán của mình. Đôi khi người ta đoán đúng, nhưng thường là không ai biết trước tương lai. Vì vậy, hầu như chẳng bao giờ các nguồn lực được phân bổ một cách hiệu quả, như trong lý thuyết về bàn tay vô hình và thị trường cạnh tranh hoàn hảo.

Bator cũng cho rằng, kể cả trong một thế giới chắc chắn, và con người hành xử một cách duy lý, vẫn có ít nhất 3 lý do khiến thị trường thất bại. Thứ nhất là sự độc quyền, thứ hai là vấn đề của hàng hóa công, và thứ ba là cái được gọi là ngoại tác. Hôm nay chúng ta sẽ nói về hàng hóa công và ngoại tác.

Trước hết hãy nói về hàng hóa công. Hàng hóa công là loại hàng hóa không loại trừ (non-exclusive) và không tranh giành (non-rival). Không loại trừ có nghĩa là không ai có thể cản trở người khác tiêu dùng hay tiếp nhận hàng hóa đó. Không tranh giành có nghĩa là một cá nhân có thể tiêu dùng hàng hóa mà không làm giảm đi sự hiện diện hay lợi ích của hàng hóa đó đối với người khác. Ví dụ học liệu mở (OCW) của trường Fulbright. Tất cả các bài đọc, bài giảng, bài tập do các giảng viên trong trường soạn đều được đưa lên website của trường (trừ những tài liệu có bản quyền từ các nguồn bên ngoài). Sản phẩm tổng hợp này không có tính loại trừ bởi không có bất kỳ người nào bị ngăn cấm không được download (miễn là có internet). Sản phẩm này cũng không có tính tranh giành bởi vì khi một người tải xuống thì vẫn không ảnh hưởng gì đến số lần mà người khác muốn sử dụng.

Trong trường hợp này, nếu để nguồn OCW này giao dịch trên một thị trường thì có hiệu quả không? Giả sử anh Trần Đại Gia, một học viên khóa MPP3, cảm thấy rất ấn tượng với giá trị mà nguồn học liệu mở này đem lại. Vì vậy anh quyết định mua lại toàn bộ số tài liệu có trên OCW,

---

<sup>1</sup> John Cassidy, *How Market Fails: The Logic of Economic Calamities*, Farrar, Straus and Giroux (2009).

và bán lại số tài liệu này trên một trang web cá nhân khác, với một mức giá rất cao cho những người nào có password. Anh Gia có thể thành công được không? Chắc là khó đây. Cùng với sự ra đời của máy photocopy, ổ đĩa USB, và vô số kỹ thuật khác, người ta sẽ nhanh chóng tìm ra cách để chỉ cần một tài liệu được bán ra, bà con sẽ chia nhau copy mà không phải trả mức giá cao để mua password. Đây là trường hợp điển hình của hiện tượng gọi là “xài chùa” (free-riding). Một kẻ xài chùa là người hưởng lợi ích từ một hàng hóa mà không phải trả (toàn bộ) chi phí cho hàng hóa đó. Chính phủ, trong trường hợp này là trường Fulbright, có thể, và đã cải thiện vấn đề này. Khi tổng lợi ích mà hàng hóa công đó mang lại lớn hơn tổng chi phí, nhà nước có thể đứng ra cung cấp hàng hóa này (dùng tiền thu được từ thuế, viện trợ, hay các khoản thu nhập khác), và cải thiện phúc lợi cho tất cả mọi người.

Một ví dụ khác là nghiên cứu khoa học cơ bản. Rất nhiều tiến bộ công nghệ cao, như là các sản phẩm cáp quang, máy nghe nhạc kỹ thuật nano, đều được cấp quyền sáng chế. Quyền sáng chế cho phép người sáng tạo ra sản phẩm đó một đặc quyền duy nhất trong việc sử dụng và phân phối sản phẩm. Nói cách khác, bằng sáng chế làm cho kiến thức của người sáng chế trở nên có tính loại trừ. Ngược lại, kiến thức khoa học chung là một hàng hóa công. Ví dụ, kiến thức cơ bản về bệnh cúm H1N1, dự báo thời tiết, hay là một định lý toán học, đều không thể nào được cấp bằng sáng chế. Bởi vì một khi định lý toán học đã được chứng minh, tất cả mọi người đều có thể sử dụng, và việc một người này sử dụng định lý đó sẽ không ảnh hưởng gì đến việc người khác sử dụng nó. Vì vậy chúng ta thấy các doanh nghiệp tư nhân sử dụng rất nhiều nguồn lực đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu mà có thể cấp bằng sáng chế, mà không đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản.

Chính phủ cố gắng cung cấp hàng hóa công ví dụ như các kiến thức cơ bản bằng nhiều cách. Ví dụ những viện nghiên cứu của nhà nước, chẳng hạn Viện Vệ Sinh Dịch Tễ Trung Ương, Viện Khoa học Xã Hội, Viện Vật Lý, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương. Đây là hình thức nhà nước trợ cấp cho các hoạt động nghiên cứu cơ bản trong các lĩnh vực y dược, vật lý, hóa học, kinh tế học. Khó có thể xác định được mức độ hỗ trợ của nhà nước cho các hoạt động này thì bao nhiêu là đủ, vì lợi ích và chi phí cho các hoạt động nghiên cứu cơ bản này rất khó đo lường. Hơn thế nữa, chính phủ cũng không phải là những người có kiến thức tốt nhất để xác định xem loại hình nghiên cứu gì là cần thiết và có tác động lớn nhất. Vì vậy, mặc dù nghiên cứu khoa học cơ bản là một hàng hóa công, chúng ta vẫn thấy có rất nhiều ví dụ về sự thất bại của khu vực nhà nước đã không cung cấp loại hàng hóa công nào trong số này là tốt nhất.

Tương tự như hàng hóa công, nguồn tài nguyên chung, hay đôi khi còn gọi là nguồn lực cộng đồng (common resources), cũng không có tính loại trừ, ai cũng có thể dùng được. Nhưng khác với hàng hóa công, nguồn lực chung có tính tranh giành: một người dùng nguồn tài nguyên

chung sẽ làm giảm lượng tài nguyên dành cho những người còn lại. Lấy một ví dụ, như là sách trong thư viện FETP. Một mặt, học viên nào cũng có quyền mượn sách, nói cách khác, không ai bị loại trừ khỏi việc sử dụng sách trong thư viện. Tuy nhiên, do số sách là có hạn, việc bạn này mượn một cuốn sách sẽ làm cho bạn khác không thể mượn được cuốn sách đó. Nói cách khác, sách trong thư viện có tính tranh giành. Điều này đặc biệt nghiêm trọng đối với một số đầu sách quý và quan trọng.

Chính vì tính chất như vậy nên nảy sinh một vấn đề đối với nguồn tài nguyên chung mà các nhà làm chính sách phải quan tâm, đó là nếu được cung cấp, họ phải xác định xem lượng sử dụng là như thế nào. Đây là câu chuyện về “Bi kịch của tài nguyên chung”<sup>2</sup> xuất phát từ nước Anh thế kỷ 17 – hay gọi nôm na là “cha chung không ai khóc.” Khi một người sử dụng một nguồn tài nguyên chung, họ đang làm giảm bớt đi sự hưởng thụ của người khác. Bởi vì tác động tiêu cực này, nguồn tài nguyên chung thường bị lạm dụng quá mức. Nhà nước có thể cải thiện vấn đề bằng thông qua điều tiết hoặc các chính sách thuế. Hoặc một cách khác là nhà nước biến hàng hóa công đó thành hàng hóa tư. Nhà triết gia Hy Lạp Aristote đã từng nói, *“Những gì là của chung thường chỉ được người ta quan tâm tới thiểu, bởi vì con người ai cũng coi trọng cái của riêng mình hơn là những gì của chung.”*

3.

Loại thất bại thị trường thứ hai đến từ ngoại tác (externalities hay là spill-over). Hiện tượng ngoại tác xảy ra khi một cá nhân tham gia vào một hoạt động gây ảnh hưởng tới lợi ích của người khác nhưng lại không phải trả chi phí cho hành động đó, hoặc không được đền bù vì hành động đó. Nếu ảnh hưởng tới người thứ ba là xấu, ta gọi đó là ngoại tác tiêu cực; nếu ảnh hưởng đó là tốt, ta gọi đó là ngoại tác tích cực.

Vaccine phòng cúm H1N1 hay bất kỳ loại vaccine cúm nào cũng đem lại một ngoại tác tích cực. Bởi vì khi được tiêm phòng vaccine, không những người được tiêm được hưởng lợi từ việc giảm khả năng nhiễm cúm, mà nhiều người khác nữa cũng được lợi do xác suất bị lây cúm đã giảm xuống khi bớt đi một người mắc cúm. Như vậy, người đi tiêm phòng cúm đã không được đền bù thêm khoản lợi ích xã hội cho hành vi của mình, ta nói toàn xã hội đã có một lượng tiêm phòng vaccine quá ít, hay là dưới mức tối ưu.

Mại dâm thường được coi là hiện tượng ngoại tác tiêu cực. Mặc dù thị trường mại dâm trong đó người mua có một mức sẵn lòng chi trả và người bán sẵn lòng cung cấp một loại dịch vụ,

---

<sup>2</sup> Garrett Hardin, "The Tragedy of the Commons", Science, Vol. 162, No. 3859 (December 13, 1968), pp. 1243-1248.

giao dịch của họ có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến những người khác không tham gia vào thị trường, và họ không được đền bù cho phần thiệt thòi mà họ phải gánh chịu.

Các ví dụ trên đây đều có một tính chất chung: đó là nguồn lực của xã hội đã không được phân bổ hiệu quả. Trong trường hợp ngoại tác tiêu cực, chi phí của toàn xã hội lớn hơn chi phí cá nhân mà người gây ra hành vi đó phải chịu. Mức độ tiêu thụ hàng hóa hay dịch vụ đó là *quá nhiều* so với tối ưu. Trong trường hợp ngoại tác tích cực, giá trị của toàn xã hội khi có sản phẩm hay dịch vụ đó là lớn hơn giá trị riêng cho người trong cuộc. Mức độ tiêu thụ hàng hóa hay dịch vụ đó là *quá ít* so với tối ưu.

Vậy có giải pháp nào cho các hiện tượng ngoại tác? Cách thứ nhất chính phủ có thể làm là thông qua hệ thống thuế. Ví dụ nếu Vedan tiếp tục sản xuất và gây ô nhiễm trên sông Thị Vải, chính phủ có thể quyết định đánh một lượng thuế cho mỗi tấn nhôm hay bột ngọt được sản xuất. Khi đó, các nhà sản xuất sẽ tính thêm phần thuế này vào chi phí của mình, có thể tăng giá hay sản xuất ít đi. Cũng vì mức giá cao hơn sau khi có thuế này thì người tiêu dùng cũng sẽ quyết định sử dụng ít đi. Biện pháp dùng thuế để cải thiện ngoại tác tiêu cực như vậy gọi là quá trình “nội hóa ngoại tác.” Gọi là “nội hóa” bởi vì nó giúp người sản xuất và tiêu dùng tính toán thêm phần chi phí xã hội vào thành chi phí riêng của mình.

Trong trường hợp là ngoại tác tích cực thì ngược lại: nhà nước sẽ trợ giá để làm giảm mức chi phí cho sản phẩm, khi đó người sản xuất sẽ cung cấp nhiều hơn và người tiêu dùng mua nhiều hơn. Một ví dụ là trường hợp nhà nước cấp học bổng cho học sinh giỏi, hay là dùng tiền ngân sách để hỗ trợ cho các trường đại học công lập.

Cách thứ hai để cải thiện vấn đề ngoại tác là thông qua điều tiết. Nhà nước có thể cưỡng chế để một hoạt động trở thành bắt buộc hoặc không được phép. Ví dụ vào công viên, khi các bạn nhìn thấy biển “cấm hái hoa” – thì đó là nỗ lực của chính phủ để bảo vệ hoa, do hoa trong công viên đem lại ngoại tác tích cực cho nhiều người (hàng hóa công.) Tuy nhiên, không phải lúc nào dùng biện pháp cưỡng chế và điều tiết cũng có hiệu quả. Nếu như lợi ích của việc giao dịch một sản phẩm là quá lớn, thì dù bị cấm người ta cũng vẫn “ngâm” giao dịch một cách bất hợp pháp, và tìm mọi cách để lách luật. Sự xuất hiện và phát triển của các thị trường “chợ đen” như vậy là dấu hiệu của việc luật lệ đã không có tính cưỡng chế.

Cách thứ ba giải quyết vấn đề ngoại tác là bằng cách cung cấp các “giấy phép” và để cho mọi người tự do trao đổi. Ví dụ như trường hợp giấy phép xả thải CO<sub>2</sub> là một ví dụ để giảm ô nhiễm. Hệ thống này còn được gọi là “cap and trade” hay là “hạn ngạch và trao đổi”, có nghĩa là nhà nước cho một hạn ngạch nhất định về mức độ ô nhiễm mà doanh nghiệp “được quyền” gây ra. Nhưng nếu có doanh nghiệp xả thải ít, và có doanh nghiệp xả thải nhiều, thì lượng “ô

nhằm dư thừa” cho phép có thể được trao đổi với nhau. Như vậy về thực chất là nhà nước đã tạo ra một thị trường mới và để cho qui luật cung cầu điều phối lượng ô nhiễm nào là mức tối ưu.

Thị trường tư nhân cũng có thể tự giải quyết vấn đề ngoại tác này hay không? Cách thứ nhất mà khu vực tư nhân tự điều tiết là bằng hệ thống giá trị và luật lệ. Ví dụ, đi học muộn, dùng máy tính, hay không tắt chuông điện thoại trong lớp là những việc có thể gây ngoại tác tiêu cực. Mặc dù thật sự không có ai cầm roi canh ở cửa khi các bạn đi muộn, nhưng đa số các bạn đều tự giác cố gắng không đi muộn, dù chỉ là 5 phút. Lý do đơn giản chỉ là vì mọi người ai cũng hiểu đi muộn là việc không tốt, và ảnh hưởng đến tất cả mọi người. Chính cái “cảm giác áy náy” đối với một “chuẩn mực xã hội đã được ngầm định” này là động cơ để các bạn tự điều tiết hành vi của mình, và tự giám lượng đi muộn xuống mức ít nhất có thể.

Cách thứ hai mà khu vực tư nhân tự điều tiết là thông qua các hoạt động từ thiện. Ví dụ, ở Mỹ, rất nhiều người sau khi ra trường đã đóng góp tiền cho trường đại học của mình, một phần vì họ biết ơn sự giáo dục mà họ nhận được, một phần vì giáo dục có ngoại tác tích cực. Công ty bảo vệ thực vật An Giang cung cấp rất nhiều chương trình cho bà con nông dân (thông qua huấn luyện, phổ biến kiến thức, du lịch cùng nông dân, sinh hoạt văn nghệ cùng nông dân), một phần là để marketing, nhưng cũng một phần vì họ biết các sản phẩm thuốc trừ sâu bảo vệ thực vật của họ có ngoại tác tích cực. Chính phủ thường hết sức khuyến khích các hoạt động này bằng cách miễn giảm thuế cho các hoạt động từ thiện vì cộng đồng.

Một cách khác mà khu vực tư nhân có thể làm để giải quyết vấn đề ngoại tác là thông qua hệ thống hợp đồng. Đây là ý tưởng then chốt của Ronald Coase trong định lý Coase<sup>3</sup>. Định lý này nói rằng, nếu các bên có thể thỏa thuận giao kèo với nhau mà không mất chi phí giao dịch, thì chúng ta có thể tái phân phối lại nguồn lực và đạt được một mức cân bằng hiệu quả. Tuy nhiên điều quan trọng là để thỏa thuận hợp đồng này thành công, cần phải không được tốn thêm một khoản chi phí giao dịch (transaction cost) nào nữa. Khi đó thì sự phân bổ nguồn lực ban đầu sẽ không còn quan trọng nữa, và điểm cân bằng hiệu quả có thể đạt được.

4.

Thất bại của thị trường diễn ra từ những vấn đề rất vi mô, và kéo theo sự xáo trộn ở tầm vĩ mô. Trong các sách giáo khoa kinh tế học, thất bại thị trường thường được coi là “trường hợp đặc biệt”, thường được để dành tới phần cuối của sách. Chúng ta sẽ đảo ngược trật tự này. Trong những buổi tới, chúng ta sẽ kể cho nhau những câu chuyện khác nữa về sự thất bại của thị

---

<sup>3</sup> Ronald Coase (1960) “The Problem of Social Cost,” *Journal of Law and Economics*, 3:1-44.

trường. Còn bây giờ, bạn hãy thử ghép sách lại và tìm quanh mình những câu chuyện quen thuộc về sự “xài chùa” (free-ride), “cha chung không ai khóc” (tragedy of the commons) và “ngoại tác” (externalities) để ghi vào nhật ký. Nhà nước đã làm gì và có thể đã làm gì khác để cải thiện phúc lợi cho ít nhất một ai đó trong câu chuyện của bạn?